TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:24/2019/HNGĐ - ST
Ngày 28 - 10- 2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Ông Nguyễn Văn Năng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phan Thị Thanh Mai - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:*** Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2019 và những lời khai tại phiên toà, nguyên đơn chị N trình bày:

Chị và anh D kết hôn với nhau ngày 10 tháng 11 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu; sau khi kết hôn, chị về sống cùng với gia đình anh D ở thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng

tháng 01 năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng khác nhau về quan điểm sống, trong cuộc sống hàng ngày hay sảy ra cãi vã, xô sát với nhau, có lần anh D còn đánh đập chị, chị đã làm đơn ly hôn ra Tòa án nhưng sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh D vẫn không thay đổi, từ tháng 01 năm 2019, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung là cháu Nguyễn Phạm Đức P, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2017. Hiện nay, cháu P đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P. Quá trình làm việc tại Tòa án chị N yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu P trưởng thành đến 18 tuổi, tự túc lao động được. Tuy nhiên tại phiên tòa chị N thay đổi quan điểm xin được nuôi con chung và không cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Bị đơn anh Nguyễn Đức D trình bày và xác nhận: Về thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị Phạm Thị Thúy N trình bày là đúng anh không bổ sung gì thêm. Khoảng tháng 02 năm 2019, chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng anh vẫn thường xuyên đến thăm vợ con và chu cấp về kinh tế cho mẹ con chị N. Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, anh vẫn còn tình cảm và yêu thương hai mẹ con chị N nên không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh về đoàn tụ với nhau để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Phạm Đức P, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2017. Hiện nay, cháu P đang ở với chị N. Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phương và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thúy N và anh Nguyễn Đức D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị N đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xử: Cho chị Phạm Thị Thúy N được ly hôn anh Nguyễn Đức D. Giao cháu Nguyễn Phạm Đức P, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2017 cho chị Phạm Thị Thúy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thúy N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Đức D và giải quyết về con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Đức D hiện có địa chỉ tại xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Ngày 11 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã mở phiên tòa lần thứ nhất theo quy định, anh D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Ngày 28 tháng 10 năm 2019, Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa, anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và lời khai tại phiên tòa thể hiện. Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị Thúy N với anh Nguyễn Đức D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, chị N đã làm đơn ly hôn anh D gửi đến Tòa án nhưng sau đó lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng theo chị N anh D vẫn không sửa đổi tính tình và cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị không cải thiện được, nay chị N thấy tình cảm không còn nên xin ly hôn với anh D. Anh D cho rằng vẫn còn tình cảm với chị N nên không nhất trí ly hôn, Tòa án cũng tạo điều kiện thời gian cho anh chị đoàn tụ nhưng anh D không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng từ tháng 01 năm 2019 đến nay chị N và anh D đã sống ly thân với nhau, hai người đã không quan tâm,chăm sóc gì cho nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ,

thực hiện các công việc trong gia đình". Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh D để mỗi bên tạo lập cuộc sống mới như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy khai sinh của cháu Nguyễn Phạm Đức P do chị Phạm Thị Thúy N giao nộp tại Tòa án thì chị N và anh Nguyễn Đức D có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Đức P, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2017 (Hiện nay cháu P đang ở với chị N). Ly hôn, cả chị N và anh D đều xin nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng xin nuôi con của các đương sự là chính đáng. Tuy nhiên, vì cháu P còn nhỏ, rất cần đến sự yêu thương, chăm sóc trực tiếp của người mẹ và hiện tại chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P; mặt khác, chị N có chỗ ở và có thu nhập ổn định lương từ 7.000.000đồng đến 10.000.000 đồng/tháng. Đối với nguyện vọng nuôi con của anh D, tuy anh D có nguyện vọng xin nuôi con nhưng không xuất trình chứng cứ chứng minh về thu nhập và điều kiện ăn ở cho con chung, mặt khác để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Nguyễn Phạm Đức P cần tiếp tục giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu P như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh D. Do tại phiên tòa, chị N không yêu cầu nên anh Nguyễn Đức D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

[4] Về tài sản: Chị Phạm Thị Thúy N và anh Nguyễn Đức D đều không đề nghị xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Thúy N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thúy N và anh Nguyễn Đức D được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Đức P, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2017 cho chị Phạm Thị Thúy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Đức D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị Thúy N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0003408 ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên. Chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền